

THỰC TIỄN ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ XÁC ĐỊNH QUAN HỆ CHA, MẸ, CON TẠI TÒA ÁN VÀ KIẾN GIẢI HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

LÊ THỊ MÂN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: ltman@hcmulaw.edu.vn

NGUYỄN PHƯƠNG AN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: npan-ds@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Dựa trên các vụ việc cụ thể, bài viết chỉ ra những bất cập trong các trường hợp xác định cha, mẹ, con khi người được xác định là cha, mẹ, con hay người yêu cầu xác định cha, mẹ, con đã chết hoặc khi đương sự từ chối giám định ADN. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: quan hệ cha, mẹ, con; chứng cứ, Tòa án, tố tụng dân sự

Abstract

Through specific cases, the article highlights the shortcomings in situations involving the determination of paternity, maternity, and filiation when the person identified as the father, mother, or child, or the person requesting the determination of paternity, maternity, and filiation is deceased, or when the concerned party refuse to undergo DNA testing. Based on these issues, the authors propose several recommendations to improve the legal framework concerning this matter.

Keywords: parental relationship, evidence, court, civil procedure

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.224>

Ngày nhận bài: 25/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

1. Đánh giá chứng cứ xác định cha, mẹ, con trong trường hợp người được xác định là cha, mẹ, con hoặc người yêu cầu xác định cha, mẹ, con đã chết

1.1. Cơ chế pháp lý

Theo khoản 2 Điều 101, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ) năm 2014; khoản 4 Điều 28, khoản 10 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015,¹ việc xác định cha, mẹ, con trong trường hợp một bên người được xác định là cha, mẹ, con hoặc người yêu cầu xác định cha, mẹ, con đã chết thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong các hoàn cảnh này, tùy thuộc yêu cầu xác định cha, mẹ, con có tranh chấp hay không và Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu theo thủ tục việc xác định cha, mẹ, con hay vụ án xác định cha, mẹ, con mà việc cung cấp, thu thập, đánh giá chứng cứ trong giải quyết vụ việc thực tế có thể có sự khác biệt.

¹ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 13/2022/QH15 (sau đây viết tắt là BLTTDS năm 2015).

Quan hệ cha mẹ con (phát sinh từ sự kiện sinh) là quan hệ nhân thân, có thể phát sinh từ quan hệ vợ chồng.² Trường hợp con sinh ra mà cha mẹ không tồn tại hôn nhân sẽ căn cứ khoản 2 Điều 88, Điều 89 đến Điều 93 Luật HNGĐ năm 2014 để xác định quan hệ cha mẹ con. Tài liệu, giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ con có thể gồm: (i) giấy tờ, tài liệu chứng minh giữa cha mẹ (của con giả định) có quan hệ vợ chồng (tùy trường hợp có thể là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc hình ảnh, văn bản thừa nhận cha mẹ (của con giả định) có chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 và thỏa mãn các điều kiện của hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật; giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ cha, mẹ, con – tùy trường hợp có thể là Giấy khai sinh; quyết định công nhận quan hệ cha, mẹ, con của cơ quan đăng ký và quản lý hộ tịch; hộ chiếu còn thời hạn sử dụng có chứa thông tin thể hiện quan hệ nhân thân cha hoặc mẹ với con; quyết định của Tòa án, trích lục hộ tịch hoặc văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định, cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận về quan hệ cha, mẹ, con.

Điều 91 BLTTDS năm 2015 quy định, đương sự có yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ, con đã chết phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình cũng phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ để chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc xác định cha, mẹ, con theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Tuy nhiên, trong thực tiễn có những tình tiết, sự kiện mà các bên chủ thể không cần thiết phải chứng minh giá trị pháp lý của nó bởi bản thân các sự kiện, tình tiết đó đã hàm chứa tính hợp pháp của chứng cứ có giá trị chứng minh hiển nhiên. Theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015, khi “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

1.2. Thực tiễn hoạt động đánh giá chứng cứ

Vụ việc thứ nhất về đánh giá chứng cứ xác định cha (đã chết) trong trường hợp các đương sự đồng thừa nhận quan hệ cha-con,³ bà Huỳnh A và ông Từ C (chết năm 1965) chung sống như vợ chồng từ năm 1944 mà không đăng ký kết hôn. Bà A và ông C có 04 người con gồm ông Từ K (chết năm 2009), bà Huỳnh M (chết năm 2011) bà Huỳnh Xây

2 Điều 88, 93, 94 Luật HNGĐ năm 2014.

3 Quyết định số 973/2017/QĐDS-ST ngày 26/7/2017 của TAND Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

N, bà Từ Mỹ H. Do chiến tranh và để trốn quân dịch, khi sinh con là bà M và bà N, vợ chồng ông C và bà A đều lấy họ của con theo họ mẹ và không khai ông Từ C là cha trong Giấy khai sinh con. Năm 2017, bà N yêu cầu Tòa án xác định ông Từ C là cha. Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, căn cứ Điều 88, Điều 90 Luật HNGĐ kết hợp chứng cứ là bản tự khai của bà A và bà H thể hiện ông C, bà A là vợ chồng đồng thời bà A, bà H xác nhận ông C là cha của bà N, Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của đương sự.

Vụ việc thứ hai về đánh giá chứng cứ xác định cha (đã chết) trong trường hợp các đương sự đồng thuận khai quật tử thi lấy mẫu giám định ADN,⁴ bà Th sinh ông T vào năm 1952, nhưng vì ông B (cha đẻ ông T) là cán bộ cách mạng, lo ngại bị ảnh hưởng, bà Th không ghi tên cha trong Giấy khai sinh của ông T. Các cô ruột ông T không thừa nhận ông là con của ông B và bà Th nên ông T đề nghị Tòa án xác định ông B là cha. Chứng cứ ông T xuất trình là giấy xác nhận của các nhân chứng - những cán bộ kháng chiến cùng hoạt động với bà Th và ông B (có sự thừa nhận của bà Th) về việc ông B với bà Th có làm lễ công nhận là vợ chồng và ông T được sinh ra trong thời kỳ này. Xét xử sơ thẩm, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông T với lý do đương sự không yêu cầu trưng cầu giám định ADN. Khi xét xử phúc thẩm, do đồng bị đơn từ chối khai quật tử thi lấy mẫu giám định ADN, Tòa án đã căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận kháng cáo của ông T. Xét lại vụ việc theo thủ tục giám đốc thẩm, TANDTC nhận định: “Việc xác định ông T có phải con ông B, bà Th hay không phải dựa vào giám định ADN. Nay các bị đơn đồng ý khai quật mộ ông B lấy mẫu giám định ADN để xác định ông T có phải là con ông B hay không” thì cần thực hiện “mối đảm bảo căn cứ”. Từ đó, Tòa quyết định hủy các bản án sơ thẩm, phúc thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Vụ việc thứ ba về đánh giá chứng cứ xác định cha mẹ (đã chết) trong trường hợp đương sự không đồng thuận khai quật tử thi lấy mẫu giám định ADN,⁵ theo hồ sơ vụ án, ông Cao Văn T1 và bà Lê Thị M (đều đã chết) có tám người con. Ông T khi sinh ra được đặt tên là Cao Văn K nhưng giấy khai sinh ghi sai họ của ông là Nguyễn Văn K. Để trốn quân dịch, cha mẹ ông T lấy giấy khai sinh của ông Nguyễn Công T, con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Th để ông sử dụng đến nay (còn ông Nguyễn Công T “thật” thì lấy tên khác là Nguyễn Văn N5). Ông Nguyễn Công T yêu cầu xác nhận ông T1 và bà M là cha mẹ ruột với các chứng

4 Quyết định giám đốc thẩm số 57A/2014/DS-GĐT ngày 24/02/2014 của Tòa Dân sự TANDTC.

5 Bản án số 1077/2018/HNGĐ -PT ngày 21/11/2018 của TAND TP. Hồ Chí Minh.

cứ: (i) kết luận giám định ADN số 617/C54B ngày 03/03/2016 (của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh) xác định giữa ông T và hai người anh, em ruột là ông N, ông U có cùng huyết thống theo dòng cha, dòng mẹ; (ii) kết luận giám định ADN ngày 07/07/2018 (của Công ty TNHH di truyền IDNA) xác định giữa ông T và ông N5 không có cùng huyết thống; (iii) lời khai của đồng bị đơn thừa nhận ông T ở trong căn nhà mà các bên đang tranh chấp từ nhỏ đến hiện tại; (iv) giấy thỏa thuận, cam kết của anh chị em ông T được UBND phường nơi đương sự cư trú xác nhận ông T là con của ông T1 và bà M.

Xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm cho rằng văn bản cam kết, thỏa thuận trên không có giá trị vì không được Tòa án công nhận. Mặt khác, các bị đơn đều không thừa nhận ông T là anh em ruột, họ đồng thời không đồng ý cho khai quật mộ cha mẹ để thực hiện giám định ADN, Tòa án do vậy đã không chấp nhận yêu cầu xác định cha, mẹ của nguyên đơn “vì không có cơ sở”. Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cho rằng kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định giữa ông T và hai người anh, em ruột có cùng huyết thống theo dòng cha, dòng mẹ; còn kết quả giám định AND của Công ty TNHH di truyền IDNA xác định ông T và ông N5 “...không cùng hệ gen trên NSTY và không có mối quan hệ huyết thống dòng nội với xác suất là 0.00%”. Vì vậy, nhận định kết quả giám định của Công ty TNHH di truyền IDNA là kết quả giám định ADN_bác cầu xác định mối quan hệ huyết thống giữa ông T và ông N, ông U cũng như mối quan hệ giữa ông T và ông N5 phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Điều này đủ cơ sở xác định ông T và ông N5 - hai người dù có giấy khai sinh cùng cha, cùng mẹ là ông B và bà Th nhưng không có quan hệ huyết thống; đủ cơ sở xác định ông T và ông N, ông U có cùng huyết thống là anh em cùng cha, cùng mẹ.

Nhìn chung, cả ba vụ việc nêu trên đều đặt trong hoàn cảnh bên chủ thể được yêu cầu xác định là cha, mẹ hoặc con đã chết. Hoạt động đánh giá chứng cứ trong các trường hợp này, do vậy sẽ phức tạp hơn nếu việc xác định cha, mẹ, con buộc phải dựa vào chứng cứ mang tính di truyền. Trong vụ việc thứ nhất, dù người được xác định là cha đã chết, do con được sinh ra khi cha mẹ có hôn nhân thực tế (là con chung của vợ chồng), cha, mẹ không thừa nhận con phải cung cấp chứng cứ là kết quả giám định ADN. Do các đương sự không tranh chấp, thừa nhận nhau nên Tòa án phán quyết chấp nhận yêu cầu xác định cha là phù hợp nguyên tắc “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Tuy vậy, xét quan hệ giữa bà Huỳnh A và

ông Từ C, dù hồ sơ vụ án ghi nhận các bên chung sống như vợ chồng từ năm 1944, thỏa các dấu hiệu của hôn nhân thực tế theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10⁶ song tiếp cận ở góc độ tính hợp pháp của quan hệ này, thiết nghĩ Tòa án cần phải thu thập bổ sung văn bản xác định giữa bà A và ông C có hành vi “chung sống như vợ chồng” từ đó đánh giá quan hệ cha – con mới thật sự hợp lý.

Trong vụ việc thứ hai và thứ ba, yêu cầu xác định cha (mẹ) đã chết đều được thực hiện khi có tranh chấp nhưng không đồng nghĩa mọi trường hợp, việc đánh giá, sử dụng chứng cứ của Tòa án đều phải dựa vào kết luận giám định ADN thông qua việc khai quật tử thi cha, mẹ đã chết. Trong vụ việc thứ hai, vì xem kết luận giám định ADN là chứng cứ mang tính quyết định nên khi không có yêu cầu giám định ADN, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của đương sự mà không xét đến các chứng khác theo nhóm tác giả là chưa thỏa đáng. Khi xét xử phúc thẩm, do đồng bị đơn từ chối khai quật tử thi lấy mẫu giám định ADN nên Tòa đã căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp nguyên tắc “đương sự phản đối yêu cầu của người khác mà không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ”. Khi giải quyết lại vụ việc theo thủ tục giám đốc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định “để xác định ông T có phải là con ông B hay không thì cần thực hiện việc quật mộ ông B để lấy mẫu giám định AND mới đảm bảo căn cứ” từ đó, Tòa án quyết định hủy các bản án sơ thẩm, phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm lại là phù hợp ý chí của đương sự.

Tuy nhiên, ở vụ việc thứ ba, dù căn cứ chính xác nhất để xác định ông T có phải là con ruột của ông T1 và bà M hay không là kết quả giám định ADN của cả ba người này, điều đó không đồng nghĩa nếu không thể khai quật mộ của ông T1, bà M lấy mẫu vật giám định ADN thì không có cơ sở xác định mối quan hệ huyết thống của họ. Với các chứng cứ khoa học gồm kết luận giám định ADN xác định huyết thống theo dòng cha, dòng mẹ (giữa giữa ông T và hai người anh, em ruột); kết luận giám định ADN (giữa ông T và ông N5) xác định các bên không cùng huyết thống, phù hợp với các chứng cứ khác về việc ông T1 thừa nhận ông T là con; các anh chị em đều thừa nhận ông T là anh em ruột; phù hợp việc ông T đã ở trong căn nhà mà các đương sự đang tranh chấp đủ để chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Chúng tôi cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các văn bản có nội dung cam kết, thỏa thuận việc ông T là con của ông T1 và bà

6 Nghị quyết ngày 09/06/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật HNGĐ năm 2000.

M của anh chị em ông T được UBND phường nơi đương sự cư trú xác nhận không có giá trị vì không được Tòa án công nhận là sai, bởi đây là chứng cứ có giá trị chứng minh một sự thật được các đương sự thừa nhận, có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm lập thoả thuận, các bên không có tranh chấp, không khởi kiện thì không thể yêu cầu các văn bản đó phải được Tòa án công nhận. Đồng thời, Tòa án không đặt các chứng cứ trong mối quan hệ liên quan để xem xét toàn diện, từ đó phán quyết không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa hợp lý. Chính vì vậy, việc Tòa án cấp phúc thẩm trên cơ sở nhận định kết luận giám định ADN loại trừ quan hệ huyết thống giữa ông T và ông N5 (hai người có Giấy khai sinh cùng cha, cùng mẹ là ông B và bà Th) là “chứng cứ bất cần” cho phép xác định ông T và ông N, ông U có cùng huyết thống, là anh em cùng cha, cùng mẹ theo kết luận giám định giữa ba người trước đó, đặt trong mối tương quan với các chứng cứ quan trọng khác có trong hồ sơ để chấp nhận kháng cáo, xác định ông T là con ruột của ông T1 và bà M là thuyết phục.

2. Đánh giá chứng cứ xác định cha, mẹ, con trong trường hợp đương sự từ chối giám định ADN

2.1. Cơ chế pháp lý

Nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù trong giải quyết vụ việc dân sự, pháp luật các quốc gia đa phần có xu hướng ghi nhận việc giám định, thu thập, cung cấp kết luận giám định ADN tại các Tòa án với mục đích xác định quan hệ cha, mẹ, con hợp pháp phải theo thủ tục luật định. Trong đó, các yếu tố chủ thể thực hiện giám định, chủ thể yêu cầu hoặc trưng cầu giám định, quy trình giám định ADN... được ấn định minh bạch. Ví dụ, pháp luật Cộng hòa Pháp quy định “Tòa án là cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, công nhận, lập danh sách giám định viên ở tất cả các lĩnh vực chuyên môn. Việc giám định chỉ được thực hiện theo trưng cầu của Thẩm phán mà không một chủ thể nào khác có quyền”.⁷ Hoặc theo khoản 2 Điều 79 BLTTDS Cộng hòa Liên bang Nga năm 2002 (sửa đổi năm 2024), đương sự, những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày trước Tòa án những vấn đề cần giải quyết trong quá trình giám định. Nhưng phạm vi cuối cùng về những vấn đề cần có ý kiến chuyên gia sẽ do Tòa án quyết định”.⁸

7 Bộ Tư pháp, Tài liệu kèm theo Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV, tháng 10/2019).

8 Xem “Гражданский процессуальный кодекс Российской Федерации” от 14.11.2002 N 138-ФЗ (ред. от 08.08.2024, N 255 - ФЗ) (Bộ Luật Tố tụng Dân sự của Liên bang Nga số 138-FZ ban hành ngày 14/11/2002, sửa đổi ngày 28/12/2024 và 16/1/2025).

Tuy nhiên, nếu dựa vào yếu tố huyết thống để thiết lập quan hệ cha, mẹ, con theo thủ tục tư pháp và cơ sở pháp lý của nhiều quốc gia, việc xét nghiệm ADN chỉ có thể được tiến hành khi các bằng chứng khác không có hoặc không đủ thuyết phục. Tại Vương quốc Anh, khi giải quyết các vụ truy tìm cha cho con, “nếu thiếu các giả định cần thiết để xác định quan hệ huyết thống, Tòa án sẽ ra lệnh kiểm tra ADN, trừ khi việc xét nghiệm gây hại nghiêm trọng cho trẻ”.⁹ Khoản 1 Điều 79 BLTTDS Cộng hòa Liên bang Nga hiện hành quy định “quá trình xét xử vụ án đòi hỏi phải có kết luận chuyên môn trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, hoặc thủ công, Tòa án sẽ chỉ định giám định. Việc giám định có thể giao cho cơ quan pháp y hoặc các chuyên gia cụ thể.”¹⁰ Xét nghiệm ADN có thể được yêu cầu trong các trường hợp cần thiết, nhưng không phải lúc nào Tòa án cũng bắt buộc thực hiện nếu không có sự đồng ý của các bên liên quan. Do đó, để đảm bảo hoạt động tố tụng không bị trì hoãn, pháp luật ở nhiều quốc gia đã đưa ra các biện pháp cho phép Tòa án suy luận về mối quan hệ cha, mẹ, con;¹¹ quyết định hậu quả hành chính hoặc có thể là chế tài hình sự¹² áp dụng đối với cá nhân có hành vi từ chối giám định ADN khi có yêu cầu.

Tương đồng với pháp luật các quốc gia khác, pháp luật TTDS Việt Nam ấn định khung pháp lý đảm bảo cho hoạt động trưng cầu giám định ADN nhằm xác định quan hệ huyết thống. Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và BLTTDS năm 2015 hiện ghi nhận hai hình thức giám định ADN có thể được tiến hành trong tố tụng, gồm trưng cầu giám định hoặc yêu cầu giám định. Theo Điều 102 BLTTDS năm 2015, “đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự”. Khoản 1 Điều 22 Luật Giám định tư pháp năm 2012 quy định: “1. Người yêu cầu giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trưng cầu giám định, phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản. Hết thời hạn nói trên hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối

9 Jonathan Herring, *Family law*, Publishing Pearson (4th), 2013, tr. 81.

10 Bộ Luật Tố tụng Dân sự của Liên bang Nga, *ltd.*

11 Ví dụ, khoản 3 Điều 79 BLTTDS của Cộng hòa Liên bang Nga; khoản 4 mục 33 Luật Gia đình British Columbia (Canada).

12 Ví dụ, khoản 3 Điều 54 và Điều 59 Luật Tố tụng gia đình New Zealand năm 1980 được sửa đổi năm 2023 (Family Proceedings Act 1980, last amended 2023).

trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định”. Khoản 6 Điều 95 BLTTDS năm 2015 xác định “kết luận giám định được coi là chứng cứ nếu việc giám định đó được tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định”. Theo đó, kết luận giám định ADN nếu được tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật mới trở thành chứng cứ có giá trị chứng minh.

Pháp luật Việt Nam cũng ấn định chỉ trưng cầu giám định ADN khi cần thiết để đảm bảo tính chính xác trong việc giải quyết vụ việc. Nếu đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ, thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc dân sự theo thủ tục chung và đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ. Điều 102 BLTTDS năm 2015 quy định: Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định; hoặc ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung. BLTTDS năm 2015 cũng gián tiếp xác định “chế tài dân sự” với những hậu quả bất lợi mà đương sự có thể phải gánh chịu từ việc không cung cấp chứng cứ (có thể là hành vi từ chối giám định ADN). Theo khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 BLTTDS năm 2015, đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo để giải quyết vụ việc dân sự.

2.2. Thực tiễn hoạt động đánh giá chứng cứ

Trong vụ việc thứ nhất, đánh giá chứng cứ xác định cha cho con trong trường hợp bị đơn từ chối giám ADN¹³ chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông V là cha đẻ của cháu B với các chứng cứ: Văn bản khai nhận chị và ông V có tình cảm dẫn đến việc chị có thai; khi chị H sinh con, ông V cho chị tiền, đến chỗ chị ở thuê để chăm sóc hai mẹ con, chụp hình với con ... Trong quá trình xét xử, Tòa án các cấp yêu cầu trưng cầu giám định ADN nhưng ông V đều từ chối và không thừa nhận cháu B là con. Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm do vậy đã quyết định không chấp nhận yêu cầu của chị H. Khi xét lại vụ án theo thủ tục Giám đốc thẩm, Tòa dân sự TANDTC ngược lại nhận định: “Trong trường hợp này, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc ông V phải cùng đi giám định ADN. Nếu ông V cố tình không đi giám định thì Tòa án phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H để công nhận ông V là cha đẻ của cháu B”.

13 Quyết định số 34/2013/DS-GĐT ngày 30/01/2013 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao.

Trong bối cảnh vụ việc này, Tòa án hai cấp chỉ tập trung và xem kết quả giám định ADN là bằng chứng bắt buộc để xác định cha cho con. Ông V từ chối giám định ADN, không thừa nhận cháu B là con, nhưng lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình. Trong khi đó, pháp luật quy định việc đánh giá chứng cứ phải dựa trên nguyên tắc “khách quan” và việc giám định ADN để xác định quan hệ cha, mẹ, con chỉ được thực hiện “khi cần thiết”¹⁴ thì hướng giải quyết như trên của Tòa án là chưa thật sự thuyết phục. Cũng vì vậy, Hội đồng Giám đốc thẩm khi xét lại vụ việc đã chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tối cao, quyết định hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm lại theo hướng buộc ông V phải cùng đi giám định ADN; và công nhận ông V là cha đẻ của cháu B nếu ông V cố tình từ chối giám định. Định hướng của Tòa Giám đốc thẩm đã chỉ ra rằng quan hệ cha con, mẹ con cần được Tòa án “suy luận” như một biện pháp chế tài dân sự đối với đương sự từ chối giám định ADN. Tuy nhiên, theo chúng tôi, việc “suy luận” này phải đặt trong khuôn khổ hợp lý, nghĩa là cần có dấu hiệu cho thấy người từ chối giám định có quan hệ huyết thống với người được giả định là cha, mẹ, hoặc con. Do đó, cũng như một số tác giả khác, chúng tôi cho rằng “nếu không có bất kỳ dấu hiệu nào theo hướng trên thì không nên suy luận về quan hệ huyết thống từ việc từ chối xét nghiệm ADN. Việc từ chối xét nghiệm ADN chưa đủ, cần có thêm dấu hiệu cho thấy người được yêu cầu xét nghiệm có liên quan đến quan hệ huyết thống”.¹⁵

Với vụ việc thứ hai về đánh giá chứng cứ xác định con cho mẹ trong trường hợp bị đơn từ chối giám định lại ADN,¹⁶ chị T sinh con tại nhà bà N2 và sau đó giao đứa trẻ cho bà V nuôi dưỡng. Bà V đi làm giúp việc cho chị N3 và mang theo đứa trẻ. Khi khai sinh cho trẻ (tên Minh A), chị N3 đứng tên là mẹ đẻ. Năm 2016, chị N3 qua đời, em ruột chị N3 là chị N tiếp tục nuôi cháu A. Năm 2017, chị T khởi kiện để xác định cháu A là con của mình. Tòa án các cấp yêu cầu lấy mẫu của trẻ A để xét nghiệm lại ADN, nhưng chị N từ chối. Ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án không chấp nhận giá trị chứng minh của kết luận giám định ADN do nguyên đơn cung cấp và kết hợp việc bị đơn từ chối giám định lại ADN, Tòa án đã quyết định không chấp nhận

14 Thời điểm các cấp Tòa án giải quyết vụ án năm 2009 nên việc đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của nghị quyết 02/2000/NĐ - HĐTP và BLTTDS năm 2004. Nội dung các quy định này không khác biệt so với pháp luật tố tụng hiện hành.

15 Đỗ Văn Đại, Ngô Thị Anh Vân, “Xác định quan hệ huyết thống thông qua AND”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04, 2013, tr. 68.

16 Bản án số 36/2018/HNGĐ-PT ngày 08/11/2018 của TAND tỉnh Tây Ninh.

khởi kiện của nguyên đơn. Ở giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã dựa vào kết luận giám định ADN do chị T tự thu thập và giao nộp trước đó, cùng với các chứng cứ khác để xác định mối quan hệ huyết thống, và thừa nhận quan hệ mẹ - con với nhận định: “Dù việc giám định ADN chưa được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo pháp luật nhưng đây là một trong những tài liệu cần tham khảo vì nó phù hợp với những lời khai của những người làm chứng như bà V, bà N2 và những người dân xung quanh nhà chị N3. Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, có cơ sở xác định: Cháu Phạm Trần Minh A, sinh ngày 15-6-2013 là con của chị Võ Thị Mộng T”.

Đối chiếu vụ việc nhận thấy, trước khi khởi kiện yêu cầu xác định con, chị T đã tự yêu cầu giám định ADN để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Dù các kết luận giám định do đương sự giao nộp thể hiện giữa nguyên đơn và người được yêu cầu xác định có quan hệ huyết thống nhưng khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm, Tòa án vẫn không thừa nhận giá trị chứng minh của văn bản này. Xét giá trị từng chứng cứ, kết luận giám định ADN do đương sự tự yêu cầu – dù được cá nhân, tổ chức có chuyên môn thực hiện, về nguyên tắc vẫn không có giá trị chứng minh độc lập. Do đó, Tòa án đánh giá kết luận giám định ADN do nguyên đơn cung cấp không phải là chứng cứ trong tố tụng là thỏa đáng. Hướng đánh giá của các Tòa án là phù hợp, bởi kết luận giám định được thực hiện theo yêu cầu cá nhân và chứng cứ được thu thập không theo thủ tục luật định, nên không đảm bảo tính khách quan.

Tuy vậy, việc Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn khi bị đơn từ chối giám định lại ADN lại chưa thật sự thuyết phục, vì trong giải quyết vụ việc dân sự, hoạt động đánh giá chứng cứ đòi hỏi đảm bảo tính “khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác”.¹⁷ Bên cạnh việc đánh giá từng tài liệu chứng cứ, cần đặt mọi chứng cứ thu thập được trong mối liên quan giữa chúng để xác định giá trị chứng minh. Tòa án khi phúc thẩm lại vụ việc đã giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo nguyên tắc này. Ở đây, xác định kết luận giám định ADN do chị T cung cấp chỉ “là một trong những tài liệu cần tham khảo”, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đối chứng tài liệu này với các chứng cứ khác (như lời khai của những người làm chứng là bà V, bà N2 và những người khác cạnh nơi cư trú của chị N3) để nhận diện sự hợp lý trong yêu cầu của đương sự. Kết hợp xét việc chị N từ chối giám định lại ADN nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh cháu Minh A là con của

17 Điều 108 BLTTDS năm 2015.

chị N3, Tòa đã có quyết định thuyết phục: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định cháu Minh A là con của chị T.

3. Kết luận và kiến nghị

Sự tiến bộ của khoa học, đặc biệt là công nghệ giám định ADN, đã cung cấp một công cụ mạnh mẽ, đáng tin cậy trong xác định quan hệ huyết thống.¹⁸ Tuy nhiên, việc sử dụng kết quả giám định ADN trong tố tụng cần được thực hiện một cách hợp lý, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các bên liên quan. Tòa án cần xem xét toàn diện các chứng cứ để đưa ra phán quyết chính xác. Việc từ chối giám định ADN không nên đương nhiên suy luận là có mối quan hệ huyết thống nếu không có các chứng cứ hỗ trợ liên quan khác. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật để đảm bảo rằng quy trình đánh giá chứng cứ trong các vụ việc xác định cha, mẹ, con không chỉ dựa trên công nghệ hiện đại mà còn tuân thủ các nguyên tắc công bằng và minh bạch. Cụ thể, cần hoàn thiện pháp luật TTDS theo hướng:

- Sửa đổi Luật Giám định tư pháp và BLTTDS với các quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục giám định ADN, bao gồm cả trường hợp không có sự đồng ý của một trong các bên nhằm đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong việc thu thập và sử dụng chứng cứ là kết luận giám định ADN; sửa đổi cơ chế pháp lý theo hướng thừa nhận kết quả giám định ADN do đương sự tự thực hiện trước tố tụng
- với các điều kiện ràng buộc cụ thể nhằm giảm thiểu chi phí, thời gian của đương sự và Tòa án phát sinh từ việc yêu cầu, trưng cầu giám định lại ADN trong những hợp không cần thiết.

- Bổ sung các quy định để đảm bảo khả năng thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con đang do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác quản lý và lưu giữ; đồng thời, cần minh định các biện pháp xử lý cá nhân, tổ chức cố tình cản trở quá trình thu thập chứng cứ.

- Bổ sung vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTPTANDTC (về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình) với các quy định theo hướng:

- (i) Đảm bảo mọi quyết định liên quan đến giám định ADN và các biện pháp tố tụng khác trong xác định cha, mẹ, con không gây tổn hại đến tâm lý và thể chất của con trẻ.

- (ii) Suy luận hợp lý việc từ chối giám định ADN, theo đó:

18 Ngo Thi Anh Van, "Offsprings conceived via assisted reproductive technology by a single woman: A matter of father identification", *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 3(2), 2020, tr. 1-19, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0001>.

Khi đương sự từ chối giám định ADN nhưng các chủ thể cùng thừa nhận quan hệ cha – con, mẹ – con, trên cơ sở xem xét các chứng cứ bổ trợ khác, cần áp dụng nguyên tắc miễn nghĩa vụ chứng minh để chấp nhận yêu cầu của đương sự;

Khi đương sự từ chối giám định ADN đồng thời không thừa nhận quan hệ cha con, mẹ-con, cần giải thích cho đương sự về hậu quả bất lợi của việc từ chối giám định. Để bảo đảm việc giải quyết vụ án xác định cha, mẹ, con, căn cứ Điều 114 BLTTDS, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của HĐTPTANDTC (về Hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của BLTTDS), Tòa án quyết định buộc đương sự cung cấp mẫu vật giám định ADN. Cụ thể hóa công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của TANDTC (V/v thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử) vào Nghị quyết số 01/2024/NQ – HĐTP theo hướng, nếu không thể thu thập được mẫu vật để giám định ADN thì Tòa án phải căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để tiếp tục giải quyết vụ án và “suy luận” cha – con, mẹ con nếu có căn cứ cho thấy người từ chối giám định có quan hệ huyết thống với người được giả định là cha, mẹ, hoặc con. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bản án số 1077/2018/HNGĐ –PT ngày 21/11/2018 của TAND TP. Hồ Chí Minh [trans: Judgment No. 1077/2018/HNGĐ –PT dated November 21, 2018 of the People’s Court of Ho Chi Minh City]
- [2] Quyết định giám đốc thẩm số 57A/2014/DS-GĐT ngày 24/02/2014 của Tòa Dân sự TANDTC [trans: Cassation decision No. 57A/2014/DS-GDT dated February 24, 2014 of the Civil Court of the Supreme People’s Court]
- [3] Quyết định số 34/2013/DS-GĐT ngày 30/01/2013 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao [trans: Decision No. 34/2013/DS-GDT dated January 30, 2013 of the Civil Court of the Supreme People’s Court]
- [4] Bộ Tư pháp, Tài liệu kèm theo Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV, tháng 10/2019) [trans: Ministry of Justice, Documents attached to the Draft Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Judicial Expertise No. 13/2012/QH13 submitted to the National Assembly at the 8th session, National Assembly term XIV, October 2019)]
- [5] Đỗ Văn Đại, Ngô Thị Anh Vân, “Xác định quan hệ huyết thống thông qua AND”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 04, 2013 [trans: Do Van Dai, Ngo Thi Anh Van, “Determining blood relationships through DNA”, *Journal of Legal Sciences*, No. 04, 2013]
- [6] Jonathan Herring, *Family law*, Publishing Pearson (4th), 2013
- [7] Ngô Thị Anh Van, “Offsprings conceived via assisted reproductive technology by a single woman: A matter of father identification”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 3(2), 2020, tr. 1-19, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0001>.